TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ KK** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/DS-ST
Ngày: 23 - 9 - 2021
"V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KK, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh H Hường;

2. Ông Huỳnh Mộc Khải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Đại Nam, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố KK, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố KK, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Bà Huỳnh Thị Bích Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố KK xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 285/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2020 về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2021/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 15/TB-TA ngày 07 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Thái Văn V, sinh năm 1960 và bà Đặng Thị D, sinh năm 1961, cùng cư trú: tổ 3, ấp C, xã M, thị xã Tc, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông V: Ông Nguyễn Ngọc ÂU, sinh năm 1980, nơi cư trú: khóm 3, phường Cp, thành phố KK, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Ngô Văn A, sinh năm 1964 và bà Phạm Thị Ngọc H, sinh năm 1964; cùng cư trú: tổ 7, ấp Mu, xã Cv, thành phố KK, tinh An Giang.

Ông ÂU có mặt; bà D vắng mặt (có yêu cầu xét xử vắng mặt); ông A, bà H vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Thái Văn V, bà Đặng Thị D trình bày:

Ngày 28/6/2018 âm lịch, ông V, bà D có cho ông Ngô Văn A, bà Phạm Thị Ngọc H vay số tiền 25.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng. Quá trình vay, ông A, bà H trả được vốn gốc 1.000.000 đồng và trả lãi đến tháng 3/2019 âm lịch thì ngưng cho đến nay. Đến ngày 22/3/2020, ông A, bà H thống nhất còn nợ vốn và lãi là 31.200.000 đồng. Do đó, ông V, bà D khởi kiện yêu cầu ông A, bà H trả vốn vay và lãi tổng cộng 31.200.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 22/3/2020 cho đến khi Tòa án xét xử xong.

Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Ngô Văn A và bà Phạm Thị Ngọc H trình bày:

Ông A, bà H có vay của ông V, bà D số tiền 25.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, có lập biên nhận nợ và trả vốn được 1.000.000 đồng, đã trả lãi đến tháng 3/2019 âm lịch thì ngưng cho đến nay, đồng ý trả số vốn và lãi 31.200.000 đồng nhưng xin trả dần 2.000.000 đồng/vụ lúa cho đến khi dứt nợ và yêu cầu không tính lãi.

Tòa án đã tiến hành hòa giải, các đương sự không thống nhất cách thức thanh toán nên hòa giải không thành.

* Tại phiên tòa,

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông ÂU yêu cầu ông A, bà H trả vốn và lãi tổng cộng 31.200.000 đồng, không yêu cầu ông A, bà H trả thêm tiền lãi từ ngày 22/3/2020 cho đến khi Tòa án xét xử xong. Đồng thời, xác định không có tài liệu, chứng cứ để cung cấp bổ sung cho Tòa án.

* Ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Người tham gia tố tụng, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử đúng pháp luật: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn qui định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; xác định thẩm quyền thụ lý, quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý của các đương sự, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ

giả quyết vụ án và lập hồ sơ đúng theo qui định tại các Điều 195, 196, 198 và 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ 2 nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Ngày 28/6/2018 âm lịch, nguyên đơn ông V, bà D cho ông A, bà H vay 25.000.000 đồng, lãi suất 3%. Sau đó, bị đơn trả tiền lãi đến tháng 3/2019 âm lịch và trả vốn gốc được 1.000.000 đồng thì ngưng. Do đó, ông V, bà D khởi kiện ông A, bà H yêu cầu trả vốn và lãi còn nợ là 31.200.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật cho đến khi Tòa án xét xử xong. Bị đơn ông A, bà H thừa nhận có vay tiền của nguyên đơn, thừa nhận còn nợ vốn và lãi 31.200.000 đồng nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên xin trả dần 2.000.000 đồng/vụ lúa cho đến khi dứt nợ (mỗi vụ lúa 4 tháng).

Việc thỏa thuận vay giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, quá trình vay bị đơn không thực hiện trả nợ đúng thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không yêu cầu tính thêm tiền lãi đối với số nợ còn lại của bị đơn theo mức lãi suất 20%/năm, chỉ yêu cầu bị đơn trả 31.200.000 đồng tiền vốn và lãi (trong đó vốn 24.000.000 đồng, lãi 7.200.000 đồng) như nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất số nợ tại phiên hòa giải ngày 07/6/2021.

Nhận thấy, việc thỏa thuận lãi suất của đương sự với mức 3%/tháng là cao hơn so với quy định pháp luật tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên cần điều chỉnh mức lãi suất cho phù hợp với quy định pháp luật (1,666%/tháng). Đồng thời, sau khi đối trừ số tiền còn lại bị đơn phải trả cao hơn số tiền nguyên đơn yêu cầu là 31.200.000 đồng. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 31.200.000 đồng là có lợi cho bị đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu của bị đơn xin trả dần 2.000.000 đồng/vụ lúa không được nguyên đơn đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy:

** Về tố tụng:*

[1] Thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản với bị đơn. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp Mu, xã Cv, thành phố KK, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố KK theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Đặng Thị D vắng mặt (có yêu cầu xét xử vắng mặt), bị đơn ông Ngô Văn A, bà Phạm Thị Ngọc H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[3] Về vốn vay và tiền lãi:

- Về vốn vay: Theo Biên bản ghi lời khai ngày 16/11/2020 và các Biên bản làm việc ngày 28/4/2020 và ngày 30/7/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Cv, thành phố KK, ông A, bà H thừa nhận vào ngày 28/6/2018 âm lịch có vay của ông V, bà D số tiền 25.000.000 đồng, đã trả được 1.000.000 đồng, còn nợ lại 24.000.000 đồng thì ngưng cho đến nay. Xét, nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận giao kết hợp đồng dân sự vay tiền, nội dung và hình thức không trái quy định pháp luật nên được công nhận. Khi đến hạn trả nợ theo thỏa thuận bị đơn không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Do đó, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ vay là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tiền lãi: Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất lãi suất vay là 3%/tháng, bị đơn đã trả lãi từ 28/6/2018 âm lịch đến tháng 28/3/2019 âm lịch thì ngưng và đến ngày 22/3/2020 các đương sự chốt lại số vốn và lãi là 31.200.000 đồng (trong đó nợ vốn 24.000.000 đồng và nợ lãi 7.200.000 đồng). Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi theo quy định pháp luật từ ngày 22/3/2020 cho đến khi Tòa án xét xử xong. Tuy nhiên, tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả thêm tiền lãi từ ngày 22/3/2020 mà chỉ yêu cầu trả tổng cộng vốn và lãi 31.200.000 đồng.

Xét thấy, lãi suất các bên thỏa thuận 3%/tháng là cao hơn mức lãi suất 20%/năm được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên cần phải điều chỉnh lãi theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, sau khi đã điều chỉnh lãi thì vốn và lãi mà bị đơn phải trả là 31.815.000 đồng. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn chỉ trả vốn và lãi 31.200.000 đồng là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về phương thức thanh toán: Bị đơn xin trả dần 2.000.000 đồng/vụ lúa cho đến khi dứt nợ nhưng không được nguyên đơn đồng ý. Do đó, yêu cầu của bị đơn không có căn cứ để xem xét.

[5] Về án phí:

- Ông A, bà H có trách nhiệm trả số nợ 31.200.000 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.560.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Thái Văn V và bà Đặng Thị D.

Buộc bị đơn ông Ngô Văn A, bà Phạm Thị Ngọc H có trách nhiệm trả cho ông Thái Văn V và bà Đặng Thị D số tiền 31.200.000 *(ba mươi mốt triệu hai trăm nghìn)* đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Ngô Văn A, bà Phạm Thị Ngọc H phải chịu 1.560.000 *(Một triệu năm trăm sáu mươi nghìn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Thái Văn V và bà Đặng Thị D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho ông V, bà D số tiền 780.000 *(bảy trăm tám mươi nghìn) đồng* tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai 0004103 ngày 03 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố KK.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông V có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bà D, ông A, bà H là 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát TPCĐ (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Đức